TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2026/DS-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nhâm Đức Hùng**

Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên toà: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **10**/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Lê Đức D**, sinh năm 1965. Địa chỉ: 1247, ấp Đông Tiến, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông **Lê Quang Đ,** sinh năm 1957. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Đông Tiến, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2025).

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp Đông Lộc, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang.

(Ông Đ có đơn xin vắng mặt; chị T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Đức D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Quang Đ trình bày như sau:***

Ngày 15/4/2025 ông D có cho bà Nguyễn Thị Cẩm T vay số tiền 126.059.000 đồng, bà T hẹn đến ngày 16/9/2025 sẽ trả cho ông D số tiền 36.059.000 đồng nhưng bà T không thực hiện mặc dù ông D đã yêu cầu nhiều lần. Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho ông D số tiền 126.059.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (0,833%/tháng) tính kể từ ngày 08/10/2025 cho đến khi kết thúc vụ án. Ngoài ra, còn trình bày thêm ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ cũng bà T và cũng không giữ giấy chứng nhận QSD đất số BY 350348 do bà Hạnh đứng tên.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Cẩm T là bị đơn trình bày như sau:***

Vào ngày 15/4/2025, bà có vay của ông Lê Đức D số tiền 126.059.000 đồng và hai bên có lập tờ "Biên bản cam kết trả nợ và giao GCNQSDĐ". Khi vay tiền của ông D, bà có mượn của bà Trần Thị Hạnh (mẹ chồng bà) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 350348 do bà Hạnh đứng tên đưa cho ông D để làm tin. Bà Hạnh biết việc bà đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 350348 cho ông D giữ. Sau đó khoảng 01 - 02 tháng thì ông D đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên lại cho bà.

Bà xác định, số tiền vay của ông D là chỉ một mình bà sử dụng, ông D cũng chỉ giao tiền cho bà; bà Hạnh và ông Hùng (chồng bà) không vay tiền của ông D và cũng không sử dụng số tiền mà bà đã vay của ông D. Ngoài ra, bà và ông Hùng đã sống ly thân hơn 01 năm nay, ông Hùng đi làm ăn xa, bà chỉ sống chung nhà với bà Hạnh. Ông Hùng hoàn toàn không biết việc bà đã vay tiền của ông D. Do đó, số tiền mà bà nợ của ông D là nợ riêng của bà, đó không phải là nợ chung trong thời kỳ hôn.

Nay bà thừa nhận còn nợ ông Lê Đức D số tiền 126.059.000 đồng. Bà đồng ý trả cho ông D số tiền nợ gốc 126.059.000 đồng và tiền lãi theo như yêu cầu của ông D. Do hiện nay, điều kiện kinh tế của bà gặp khó khăn nên bà xin trả dần số tiền nợ trên với số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Bà không yêu cầu ông Lê Văn Hùng hay ai khác có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông D cùng với bà.

**** Tại phiên tòa:***

- Bà T giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Xin trả dần tiền nợ nêu trên với số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025).

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đức D. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T trả cho ông Lê Đức D số tiền 126.059.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (0,833%/tháng) tính kể từ ngày 08/10/2025 cho đến khi kết thúc vụ án. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại ấp: Ấp Đông Lộc, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Quang Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 1 nhưng có đơn xin vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Quang Đ là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về chứng cứ: Ông Lê Đức D yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T trả số tiền số tiền 126.059.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (0,833%/tháng) tính kể từ ngày 08/10/2025 cho đến khi kết thúc vụ án cho ông. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông D đã cung cấp cho Tòa án 01"Biên bản cam kết trả nợ và giao GCNQSDĐ" ngày 15/04/2025 (BL 21). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm T, bà T thừa nhận nợ và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện cũng như không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu

độc lập nên căn cứ vào các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Lê Đức D yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T trả số tiền 126.059.000 đồng cho ông và tính lãi suất theo quy định pháp luật.

[4.1] Về nợ gốc: Tại văn bản trình bày ý kiến (BL 39), ông Lê Quang Đ xác nhận từ khi vay cho đến nay bà Nguyễn Thị Cẩm T còn nợ ông D số tiền 126.059.000 đồng. Phía chị bà T cũng thừa nhận còn nợ ông D 126.059.000 đồng. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015 thì bà Nguyễn Thị Cẩm T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên yêu cầu khởi kiện của ông D là có cơ sở để chấp nhận.

[**4.2] Về lãi suất:** ông D yêu cầu bà T phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật (0,833%/tháng) tính kể từ ngày 08/10/2025 cho đến khi kết thúc vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bà T đồng ý theo yêu cầu của ông D. Do đó, căn cứ theo Điều 470 BLDS xác định thời điểm tính lãi suất sẽ được tính từ ngày 08/10/2025 là đúng quy định. Từ đó, nên chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông D.

Cụ thể thời gian và mức lãi suất được tính từ ngày 08/10/2025 đến ngày 30/01/2026 như sau: 126.059.000 đồng x 0.833%/tháng x (3 tháng, 22 ngày) = 3.906.000 đồng (làm tròn).

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T trả cho ông D số tiền lãi là 3.906.000 đồng.

[5] Xét ý kiến của bà T: Xin trả dần hàng tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng ông Lê Quang Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông D không đồng ý (BL 30) nên HĐXX không thể xem xét được.

Từ những cơ sở và nhận định trên, buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đức D số tiền gốc là 126.059.000 đồng và tiền lãi là 3.906.000 đồng. Tổng cộng là 129.965.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - An Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự giá ngạch:

Án phí được tính như sau 129.965.000 đồng x 5% = 6.498.000 đồng (làm tròn).

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí giá ngạch là 6.498.000 đồng (Sáu triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Ông Lê Đức D không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức D (do ông Lê Quang Đ là người đại diện theo ủy quyền) đối với bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đức D số tiền gốc là 126.059.000 đồng và tiền lãi là 3.906.000 đồng. Tổng cộng là 129.965.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày 31/01/2026 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Cẩm T còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu là 6.498.000 đồng (Sáu triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Trả lại cho ông Lê Đức D số tiền tạm ứng án phí là 3.151.475 đồng theo lai thu số 0004227 ngày 14/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Ông Lê Đức D (do ông Lê Quang Đ là đại diện theo ủy quyền) có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai. Bà Nguyễn Thị Cẩm T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 – AG;
- TAND tỉnh AG
- THADS tỉnh AG;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19**/2026/DS-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương**

Ông **Nguyễn Thành Thái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân *dân khu vực 3 – An Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên toà: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân ***khu vực 3 – An Giang*** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **11**/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Nhan**, sinh năm 1965. Địa chỉ: số 147, ấp Kinh 9B, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc Long,** sinh năm 1986 và chị **Nguyễn Thị Kim Yến**, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: ấp Kinh 9B, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang.

(ông D có mặt; anh Long và chị Yến có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Đức Dtrình bày như sau:***

Ngày 13/01/2025 bà có cho bà Nguyễn Thị Cẩm T vay số tiền là 126.059.000 đồng. Hai biên có viết giấy vay ngày 13/01/2025, không ghi lãi suất và thời hạn trả. Khi vay chị Yến và anh Long hứa 02 tháng trả nhưng bà đã nhiều lần yêu cầu chị Yến, anh Long trả nhưng chị Yến, anh Long hứa và không thực hiện.

Nay ông D yêu câu Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải thanh toán cho ông D số tiền vay gốc là 126.059.000đ và không yêu cầu tiền lãi suất.

Ngoài ra, bà không yêu cầu ai khác có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ với chị Yến và anh Long. Bà không đồng ý cho chị Yến và anh Long trả dần nợ và cũng không đồng ý thời trả nợ là 02 năm.

**** Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Cẩm T là bị đơn trình bày như sau:***

Vợ chồng anh chị thừa nhận lời trình bày của phía ông D là đúng sự thật.

Ngày 13/01/2025 anh chị có vay của ông D số tiền là 126.059.000 đồng. Hai biên có viết giấy vay ngày 13/01/2025, không ghi lãi suất và thời hạn trả. Khi vay chị Yến và anh Long hứa 01 năm trả và anh chị có đóng tiền lãi cho ông D đến tháng 10/2025 thì do làm ăn không được nên không đóng lãi nữa. Việc anh chị đóng tiền lãi thì không có làm biên nhận hay giấy tờ gì nên anh chị không yêu cầu xem xét gì đối với số tiền lãi nêu trên.

Nay anh chị thừa nhận và đồng ý trả cho bà Nhân số tiền vay là 126.059.000 đồng nhưng xin trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ hoặc cho thời hạn trả là 02 năm.

Ngoài ra, anh chị có ý kiến đề nghị không hòa giải nữa và xin được vắng mặt khi xét xử.

**** Tại phiên tòa:***

- Ông Lê Đức Dgiữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm T trả cho bà số tiền vay là 126.059.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đoàn Thị Nhan. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T trả cho ông D số tiền nợ là 126.059.000 đồng. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại ấp: Kinh 9B, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 1 nhưng có đơn xin vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Cẩm T là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về chứng cứ: Ông Lê Đức Dyêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T trả số tiền 126.059.000 đồng cho bà. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông D đã cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay ngày 13/01/2025 (BL 30). Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm T thừa nhận nợ và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện cũng như không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập nên căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Lê Đức Dyêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T trả số tiền 126.059.000 đồng cho bà.

[4.1] Về nợ gốc: Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Đức Dxác nhận từ khi vay cho đến nay bà Nguyễn Thị Cẩm T còn nợ số tiền 126.059.000 đồng. Phía chị Yến và anh Long cũng thừa nhận vợ chồng anh chị còn nợ ông D 126.059.000 đồng (BL 17). Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015 thì bà Nguyễn Thị Cẩm T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên yêu cầu khởi kiện của ông D là có cơ sở để chấp nhận.

[**4.2] Về lãi suất:** Các đương sự trong vụ án không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét ý kiến của chị Yến và anh Long: Xin trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ hoặc cho thời hạn trả là 02 năm. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D không đồng ý nên HĐXX không thể xem xét được.

Từ những cơ sở và nhận định trên, buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ trả cho Ông Lê Đức Dsố tiền là 126.059.000đồng (Một trăm triệu đồng).

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - An Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự giá ngạch:

Án phí được tính như sau 126.059.000đồng x 5% = 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí giá ngạch là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ông Lê Đức Dkhông phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức Dđối với bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đức Dnợ gốc là 126.059.000đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Đức Dcho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Cẩm T còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ông Lê Đức Dthuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật.

3/ Về quyền kháng cáo: Ông Lê Đức Dđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà tuyên án. Bà Nguyễn Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 – AG;
- TAND tỉnh AG
- THADS tỉnh AG;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo